

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09-28

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện Việt Đức, được thành lập theo Quyết định số 316/QĐTCNSD ngày 26/05/1993 của Bộ Công nghiệp nặng và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 166/2003/QĐ-BCN ngày 14/10/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500445085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Bá Việt	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Mai	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2019
Ông Nguyễn Quốc Thành	Ủy viên	
Ông Nguyễn Huy Tiến	Ủy viên	
Ông Ngô Duy Đông	Ủy viên	
Ông Bùi Hồng Sơn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2019

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Tiến	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Nguyễn Quốc Thành	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Ngô Duy Đông	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Ngô Bá Việt	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Bùi Hồng Sơn	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Nguyễn Huy Tiến	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Nguyễn Thanh Khán,	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03/07/2020

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Mạnh Hùng	Trưởng ban
Ông Đặng Quốc Dũng	Thành viên
Bà Thái Thị Hồng Loan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc 



Nguyễn Huy Tiên

Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2020

Số: 120820.016/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức được lập ngày 20 tháng 07 năm 2020, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		75.364.110.252	77.880.818.301
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	13.434.044.628	16.481.278.897
111	1. Tiền		13.434.044.628	16.481.278.897
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		32.345.027.758	28.848.881.665
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	38.486.563.290	35.931.993.317
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	383.902.441	501.352.123
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	446.307.037	413.725.166
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.971.745.010)	(7.998.188.941)
140	IV. Hàng tồn kho	8	29.328.166.748	32.293.786.621
141	1. Hàng tồn kho		29.328.166.748	32.293.786.621
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		256.871.118	256.871.118
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		256.871.118	256.871.118
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		42.710.300.834	46.100.834.996
220	II. Tài sản cố định		39.083.473.207	42.459.355.769
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	39.083.473.207	42.459.355.769
222	- Nguyên giá		127.368.767.997	127.044.222.543
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(88.285.294.790)	(84.584.866.774)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		267.135.000	267.135.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(267.135.000)	(267.135.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.626.827.627	3.641.479.227
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.626.827.627	3.641.479.227
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		118.074.411.086	123.981.653.297

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

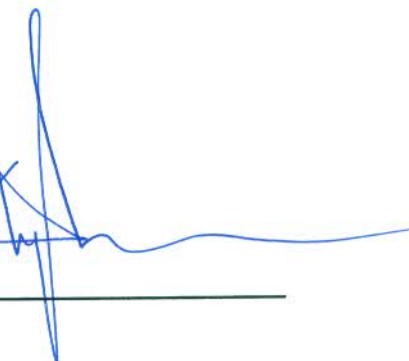
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		28.912.023.954	47.213.893.798
310	I. Nợ ngắn hạn		28.912.023.954	47.213.893.798
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	10.575.092.765	16.545.148.188
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		121.045.657	95.980.385
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.839.771.119	2.504.677.017
314	4. Phải trả người lao động		5.055.289.028	3.602.747.307
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	2.531.375.290	11.269.403.099
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	7.632.914.302	13.103.982.009
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		156.535.793	91.955.793
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		89.162.387.132	76.767.759.499
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	89.162.387.132	76.767.759.499
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		55.247.160.000	55.247.160.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		55.247.160.000	55.247.160.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		683.890.000	683.890.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.524.716.000	5.524.716.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27.706.621.132	15.311.993.499
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		14.961.993.499	11.279.636.394
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		12.744.627.633	4.032.357.105
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		118.074.411.086	123.981.653.297



Ngô Thị Hương
Người lập



Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc



Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2020


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	134.032.922.696	116.218.440.748
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	2.852.148.537	2.722.425.620
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		131.180.774.159	113.496.015.128
11	4. Giá vốn hàng bán	20	106.375.855.138	103.602.630.988
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.804.919.021	9.893.384.140
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.703.485	2.268.375
22	7. Chi phí tài chính	22	402.373.187	459.744.422
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		402.373.187	459.744.422
25	8. Chi phí bán hàng	23	3.628.004.344	3.651.047.428
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	4.647.962.784	4.169.529.058
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.132.282.191	1.615.331.607
31	11. Thu nhập khác		-	1.116.561
32	12. Chi phí khác		20.000.000	23.167.232
40	13. Lợi nhuận khác		(20.000.000)	(22.050.671)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.112.282.191	1.593.280.936
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	3.367.654.558	362.093.786
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>12.744.627.633</u>	<u>1.231.187.150</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	2.307	223


Ngô Thị Hương
Người lập


Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng


Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc



Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu	06 tháng đầu
			năm 2020	năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		140.342.920.059	124.733.608.659
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(111.239.059.093)	(100.617.227.618)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(9.669.535.000)	(9.637.291.000)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(402.373.187)	(459.744.422)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.849.573.469)	(375.842.593)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		543.431.274	685.032.217
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.634.615.642)	(4.638.667.874)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.091.194.942	9.689.867.369
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(324.545.454)	(42.000.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.703.485	2.268.375
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(318.841.969)	(39.731.625)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		11.833.848.256	16.732.388.760
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(17.304.915.963)	(17.175.930.020)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.348.519.535)	(8.240.557.725)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.819.587.242)	(8.684.098.985)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.047.234.269)	966.036.759
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		16.481.278.897	6.561.816.736
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	13.434.044.628	7.527.853.495



Ngô Thị Hương
Người lập



Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện Việt Đức, được thành lập theo Quyết định số 316/QĐTCNSD ngày 26/05/1993 của Bộ Công nghiệp nặng và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 166/2003/QĐ-BCN ngày 14/10/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500445085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 55.247.160.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 55.247.160.000 đồng; tương đương 5.524.716 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu hàn (que hàn điện, dây hàn);
- Kinh doanh vật tư, nguyên liệu để sản xuất vật liệu hàn;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ này, do ảnh hưởng bởi giá nguyên vật liệu giảm so với kỳ trước dẫn tới sản lượng tiêu thụ que hàn điện có biên độ lợi nhuận cao tăng 40%. Giá bán bình quân có giảm 2% so với kỳ trước nhưng biên độ giảm ít hơn so với giá vốn. Trong điều hành sản xuất kinh doanh, Công ty chú trọng thúc đẩy các biện pháp để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu nâng cao chất lượng sản phẩm. Dẫn tới công ty chiếm lĩnh và ổn định thị trường, duy trì được sản lượng sản xuất và tiêu thụ, đạt lợi nhuận tăng trưởng cao so với cùng kỳ trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là "Nhà máy sản xuất dây hàn" tại Hải Dương, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất các loại dây hàn.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Bảng sáng chế	03 - 05 năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất que hàn và dây hàn, chiếm hơn 90% trong toàn bộ hoạt động của Công ty. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Đồng thời, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	903.721.464	1.027.478.723
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.530.323.164	15.453.800.174
	<u><u>13.434.044.628</u></u>	<u><u>16.481.278.897</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Phát triển Thương mại Tổng hợp Phương Đông	5.954.122.670	-	5.782.945.300	-
- Công ty Cổ phần Container Quốc tế CAS	3.406.598.850	(3.406.598.850)	3.406.598.850	(3.406.598.850)
- Công ty TNHH MTV Phương Mai	2.828.770.346	-	2.204.976.418	-
- Các khách hàng khác	26.297.071.424	(3.565.146.160)	24.537.472.749	(4.591.590.091)
	38.486.563.290	(6.971.745.010)	35.931.993.317	(7.998.188.941)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Mighty Metal Materials Co.,Ltd	365.001.941	-	-	-
- Công ty TNHH Quốc tế An Pha Nam	18.900.000	-	18.900.000	-
- Các khách hàng khác	500	-	482.452.123	-
	383.902.441	-	501.352.123	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	144.157.396	-	154.266.147	-
Tạm ứng	202.525.955	-	178.141.655	-
Phải thu khác	99.623.686	-	81.317.364	-
	446.307.037	-	413.725.166	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

7 . NỢ XẤU

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty Cổ phần Container Quốc tế CAS	3.406.598.850	-	3.406.598.850	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Chanh	1.092.299.223	-	1.092.299.223	-
- Công ty TNHH Lai Châu 6	849.608.250	424.804.125	849.608.250	594.725.775
- Các khoản khác	3.529.252.591	1.481.209.779	4.212.841.181	968.432.788
	8.877.758.914	1.906.013.904	9.561.347.504	1.563.158.563

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.322.993.018	-	22.423.764.473	-
Công cụ, dụng cụ	170.718.810	-	163.949.143	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.413.614.080	-	1.566.586.100	-
Thành phẩm	2.619.313.002	-	7.143.107.554	-
Hàng hoá	801.527.838	-	996.379.351	-
	29.328.166.748	-	32.293.786.621	-

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp (*)	3.123.569.627	3.203.569.627
Chi phí chuyển giao công nghệ	503.258.000	437.909.600
	3.626.827.627	3.641.479.227

(*) Khoản chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng liên quan đến Dự án Nhà máy sản xuất dây hàn 6.000 tấn/năm tại tỉnh Hải Dương được phân bổ theo thời gian hoạt động của dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	36.548.890.596	79.628.009.919	10.781.231.119	86.090.909	127.044.222.543
- Mua trong kỳ	-	-	324.545.454	-	324.545.454
Số dư cuối kỳ	36.548.890.596	79.628.009.919	11.105.776.573	86.090.909	127.368.767.997
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	20.866.403.705	54.830.321.440	8.802.050.720	86.090.909	84.584.866.774
- Khấu hao trong kỳ	790.603.645	2.681.303.371	228.521.000	-	3.700.428.016
Số dư cuối kỳ	21.657.007.350	57.511.624.811	9.030.571.720	86.090.909	88.285.294.790
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	15.682.486.891	24.797.688.479	1.979.180.399	-	42.459.355.769
Tại ngày cuối kỳ	14.891.883.246	22.116.385.108	2.075.204.853	-	39.083.473.207

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 22.116.385.108 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.315.944.761 đồng.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là bằng sáng chế với nguyên giá tại ngày 30/06/2020 là 267.135.000 đồng và đã hết khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàn Kiếm	2.182.623.116	2.182.623.116	3.229.459.159	3.229.459.159
- Công ty Cổ phần Hóa chất BTM	1.699.181.000	1.699.181.000	1.921.162.656	1.921.162.656
- Công ty TNHH Vạn Đạt	-	-	4.572.826.170	4.572.826.170
- Các khách hàng khác	6.693.288.649	6.693.288.649	6.821.700.203	6.821.700.203
	10.575.092.765	10.575.092.765	16.545.148.188	16.545.148.188

13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
a) Chi tiết số dư lớn		
- Kinh phí công đoàn	186.529.867	83.019.148
- Bảo hiểm y tế	66.125.767	58.745.767
- Bảo hiểm thất nghiệp	85.801.638	57.118.889
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	42.376.555	8.390.896.090
- Phải trả ông Ngô Bá Việt ⁽ⁱ⁾	778.673.000	1.278.673.000
- Công ty TNHH Vạn Đạt ⁽ⁱⁱ⁾	1.000.000.000	1.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	371.868.463	400.950.205
	2.531.375.290	11.269.403.099

⁽ⁱ⁾ Khoản tiền ông Ngô Bá Việt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho Công ty vay không tính lãi suất để mua ô tô.

⁽ⁱⁱ⁾ Tiền lãi chậm trả theo Biên bản làm việc ngày 25/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức và Công ty TNHH Vạn Đạt.

b) Phải trả khác là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)

778.673.000	1.278.673.000
--------------------	----------------------

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	582.171.259	4.070.257.071	4.227.113.058	-	425.315.272
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	48.523.078	48.523.078	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.892.033.293	3.367.654.558	2.849.573.469	-	2.410.114.382
Thuế Thu nhập cá nhân	-	30.472.465	505.103.515	531.234.515	-	4.341.465
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	534.819.391	534.819.391	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	2.504.677.017	8.529.357.613	8.194.263.511	-	2.839.771.119

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱ⁾	13.103.982.009	13.103.982.009	11.833.848.256	17.304.915.963	7.632.914.302	7.632.914.302
	13.103.982.009	13.103.982.009	11.833.848.256	17.304.915.963	7.632.914.302	7.632.914.302

⁽ⁱ⁾ Hợp đồng cho vay hạn mức số 2503/2020-HĐCVHM/NHCT320- VIWELCO ngày 30/03/2020 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 30/03/2020 đến ngày 30/03/2021;
- + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	55.247.160.000	683.890.000	5.524.716.000	20.716.710.394	82.172.476.394
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	1.231.187.150	1.231.187.150
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(8.437.074.000)	(8.437.074.000)
Số dư cuối kỳ trước	55.247.160.000	683.890.000	5.524.716.000	13.510.823.544	74.966.589.544
Số dư đầu kỳ này (Đã điều chỉnh)	55.247.160.000	683.890.000	5.524.716.000	15.311.993.499	76.767.759.499
Lãi trong kỳ này	-	-	-	12.744.627.633	12.744.627.633
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Số dư cuối kỳ này	55.247.160.000	683.890.000	5.524.716.000	27.706.621.132	89.162.387.132

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCD ngày 08 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	23.599.067.499
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,48%	350.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 15% vốn điều lệ) ⁽ⁱ⁾	35,12%	8.287.074.000
Lợi nhuận chưa phân phối	63,40%	14.961.993.499

⁽ⁱ⁾ Căn cứ Nghị quyết số 303/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện trích trong năm 2019 và đã chi trả toàn bộ trong 6 tháng đầu năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Ngô Bá Việt	17,75%	9.807.590.000	17,75%	9.807.590.000
Ông Đặng Quốc Dũng	6,06%	3.350.000.000	6,06%	3.350.000.000
Ông Nguyễn Huy Tiến	8,53%	4.713.630.000	8,53%	4.713.630.000
Các cổ đông khác	67,65%	37.375.940.000	67,66%	37.375.940.000
	100%	55.247.160.000	100%	55.247.160.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.247.160.000	55.247.160.000
- Vốn góp đầu kỳ	55.247.160.000	55.247.160.000
- Vốn góp cuối kỳ	55.247.160.000	55.247.160.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	8.390.896.090	73.248.240
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	-	8.287.074.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	8.287.074.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(8.348.519.535)	(8.240.557.725)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(8.348.519.535)	(8.240.557.725)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	42.376.555	119.764.515

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.524.716	5.524.716
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.524.716	5.524.716
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.524.716	5.524.716
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.524.716.000	5.524.716.000
	5.524.716.000	5.524.716.000

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất như sau:

- Hợp đồng thuê đất tại Quốc lộ 1A đoạn từ giáp huyện Thanh Trì đến giáp thị trấn Thường Tín để sử dụng với mục đích làm văn phòng và cơ sở sản xuất, thời hạn 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 22.066,3 m² và 982,6 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất, thời hạn 25 năm. Diện tích khu đất thuê là 21.700 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

b) Ngoại tệ các loại		
	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.591,16	1.591,72
- Đồng Euro (EUR)	412,24	412,14
c) Nợ khó đòi đã xử lý		
	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Công nghiệp Tàu thủy Bạch Đằng	1.343.019.727	1.343.019.727
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Du lịch Duy Anh	660.996.234	385.996.234
- Russia Limited Liability Company (LLC)	146.749.825	146.749.825
- Các khoản khác	1.300.412.124	869.421.525
18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hoá	3.510.268.420	3.217.579.820
Doanh thu bán thành phẩm	130.047.402.432	112.602.484.913
Doanh thu cung cấp dịch vụ	475.251.844	398.376.015
	<u>134.032.922.696</u>	<u>116.218.440.748</u>
19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	2.704.418.377	2.312.587.385
Hàng bán bị trả lại	142.710.000	212.199.235
Giảm giá hàng bán	5.020.160	197.639.000
	<u>2.852.148.537</u>	<u>2.722.425.620</u>
20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	103.183.733.273	100.765.963.374
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.192.121.865	2.836.667.614
	<u>106.375.855.138</u>	<u>103.602.630.988</u>
21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.703.485	2.268.375
	<u>5.703.485</u>	<u>2.268.375</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	402.373.187	459.744.422
	402.373.187	459.744.422

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.236.769	8.349.385
Chi phí nhân công	1.213.496.197	1.558.073.696
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.942.600	86.378.272
Chi phí khác bằng tiền	2.322.328.778	1.998.246.075
	3.628.004.344	3.651.047.428

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.963.579	9.517.171
Chi phí nhân công	3.589.148.367	2.700.661.074
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.208.445	145.217.700
Thuế, phí, lệ phí	539.801.391	551.907.371
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(320.453.332)	(125.086.431)
Chi phí khác bằng tiền	744.294.334	887.312.173
	4.647.962.784	4.169.529.058

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.112.282.191	1.593.280.936
Các khoản điều chỉnh tăng	725.990.599	217.187.998
- Chi phí không hợp lệ	725.990.599	217.187.998
Thu nhập chịu thuế TNDN	16.838.272.790	1.810.468.934
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	3.367.654.558	362.093.786
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.892.033.293	225.331.663
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.849.573.469)	(375.842.593)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.410.114.382	211.582.856

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	12.744.627.633	1.231.187.150
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.744.627.633	1.231.187.150
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.524.716	5.524.716
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.307	223

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.489.706.620	83.173.448.706
Chi phí nhân công	11.122.076.721	10.901.342.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.700.428.016	3.846.823.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.954.049.921	2.662.886.259
Chi phí khác bằng tiền	1.837.125.883	3.437.465.619
	107.103.387.161	104.021.966.729

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.434.044.628	-	16.481.278.897	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.932.870.327	(6.971.745.010)	36.345.718.483	(7.998.188.941)
	52.366.914.955	(6.971.745.010)	52.826.997.380	(7.998.188.941)
			Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			7.632.914.302	13.103.982.009
Phải trả người bán, phải trả khác			13.106.468.055	27.814.551.287
			20.739.382.357	40.918.533.296

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.434.044.628	-	-	13.434.044.628
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.961.125.317	-	-	31.961.125.317
	45.395.169.945	-	-	45.395.169.945
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.481.278.897	-	-	16.481.278.897
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.347.529.542	-	-	28.347.529.542
	44.828.808.439	-	-	44.828.808.439

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Vay và nợ	7.632.914.302	-	-	7.632.914.302
Phải trả người bán, phải trả khác	13.106.468.055	-	-	13.106.468.055
	<u>20.739.382.357</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>20.739.382.357</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	13.103.982.009	-	-	13.103.982.009
Phải trả người bán, phải trả khác	27.814.551.287	-	-	27.814.551.287
	<u>40.918.533.296</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>40.918.533.296</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả ngắn hạn khác		778.673.000	1.278.673.000
Ông Ngô Bá Việt	Chủ tịch HĐQT	778.673.000	1.278.673.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Thu nhập của Giám đốc	176.924.400	198.082.100
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	815.870.000	1.058.122.300

